

Số: 4201/QĐ-ĐHQGHN

Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2018

Hc: - PKT/ĐBCL  
- PCLĐT/CTSV  
- Các tổ môn

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ**

**GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

13.2/2019

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17/11/2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

*[Handwritten signature]*

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên ban hành theo Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quy chế đào tạo tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành theo Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 24/11/2017 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quy định về mở mới và điều chỉnh chương trình đào tạo ở Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành theo Quyết định số 1366/QĐ-ĐHQGHN ngày 25/4/2012 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Đào tạo,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo quyết định này 06 chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ của Khoa Luật:

1. Chuyên ngành Lí luận và lịch sử nhà nước và pháp luật;
2. Chuyên ngành Luật hiến pháp và Luật hành chính; ✓
3. Chuyên ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự;
4. Chuyên ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự; ✓
5. Chuyên ngành Luật kinh tế;
6. Chuyên ngành Luật quốc tế.

**Điều 2.** Các chương trình đào tạo kê trên áp dụng từ khóa tuyển sinh 2019.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Đào tạo, Trưởng Ban Kế hoạch Tài chính và Chủ nhiệm Khoa Luật chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ✓

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Giám đốc ĐHQGHN (để b/c);
- Lưu: VT, ĐT, O8.



KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC

*[Handwritten signature]*  
**Nguyễn Hồng Sơn**

# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

Chuyên ngành: Luật hiến pháp và Luật hành chính

Mã số: 9380101.02

(Ban hành theo Quyết định số 4201 /QĐ-ĐHQGHN, ngày 10 tháng 12 năm 2018

của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

## PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:
  - + Tiếng Việt: Luật hiến pháp và Luật hành chính
  - + Tiếng Anh: Constitutional Law and Administrative Law
- Mã số chuyên ngành đào tạo: 9380101.02
- Tên ngành đào tạo:
  - + Tiếng Việt: Luật
  - + Tiếng Anh: Law
- Trình độ đào tạo: Tiến sĩ
- Tên văn bằng tốt nghiệp:
  - + Tiếng Việt: Tiến sĩ ngành Luật
  - + Tiếng Anh: The Degree of Doctor in Law
- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Khoa Luật, ĐHQGHN.

### 2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo tiến sĩ Luật chuyên ngành Luật hiến pháp và Luật hành chính có mục tiêu đào tạo những nhà khoa học, các chuyên gia có trình độ cao, với kiến thức, kỹ năng và phẩm chất hiện đại, cập nhật, chuyên sâu cả về lí thuyết và thực tiễn trong lĩnh vực luật hiến pháp, luật hành chính; có khả năng nghiên cứu độc lập, sáng tạo, phát hiện và giải quyết được những vấn đề mới có ý nghĩa khoa học; có khả năng giảng dạy và hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học; tham gia vào quá trình tư vấn, phản biện, xây dựng, hoàn thiện các chính sách và pháp luật trong lĩnh vực chuyên ngành được đào tạo.

### 3. Thông tin tuyển sinh

#### 3.1. Hình thức tuyển sinh

Xét hồ sơ chuyên môn theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

#### 3.2. Đối tượng tuyển sinh

Thí sinh dự tuyển vào chương trình đào tạo tiến sĩ Luật hiến pháp và Luật hành chính phải đáp ứng những điều kiện sau đây:



a) Lí lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành án hình sự, kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên;

b) Có đủ sức khỏe để học tập;

c) Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành đúng từ loại giỏi trở lên hoặc bằng thạc sĩ chuyên ngành đúng, ngành phù hợp hoặc chuyên ngành gần với chuyên ngành Luật hiến pháp và Luật hành chính;

d) Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành;

e) Trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển là tác giả hoặc đồng tác giả tối thiểu 01 bài báo thuộc tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc 01 báo cáo khoa học đăng tại kì yếu của các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phân biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu, được hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư của ngành/ liên ngành công nhận. Đối với những người có bằng thạc sĩ nhưng chưa hoàn thành luận văn thạc sĩ với khối lượng học tập dưới 10 tín chỉ trong chương trình đào tạo thạc sĩ thì phải có tối thiểu 02 bài báo/ báo cáo khoa học;

f) Có đề cương nghiên cứu, trong đó nêu rõ tên đề tài dự kiến, lĩnh vực nghiên cứu; lí do lựa chọn lĩnh vực, đề tài nghiên cứu; giản lược về tình hình nghiên cứu lĩnh vực đó trong và ngoài nước; mục tiêu nghiên cứu; một số nội dung nghiên cứu chủ yếu; phương pháp nghiên cứu và dự kiến kết quả đạt được; lí do lựa chọn đơn vị đào tạo; kế hoạch thực hiện trong thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh cho việc thực hiện luận án tiến sĩ. Trong đề cương có thể đề xuất cán bộ hướng dẫn;

g) Có thư giới thiệu của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực chuyên môn mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá người dự tuyển về:

- Phẩm chất đạo đức, năng lực và thái độ nghiên cứu khoa học, trình độ chuyên môn của người dự tuyển;

- Đối với nhà khoa học đáp ứng các tiêu chí của người hướng dẫn NCS và đồng ý nhận làm cán bộ hướng dẫn luận án, cần bổ sung thêm nhận xét về tính cấp thiết, khả thi của đề tài, nội dung nghiên cứu; và nói rõ khả năng huy động NCS vào các đề tài, dự án nghiên cứu cũng như nguồn kinh phí có thể chi cho các hoạt động nghiên cứu của NCS;

- Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm NCS;

h) Người dự tuyển phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ phù hợp với chuẩn đầu ra về ngoại ngữ của chương trình đào tạo được ĐHQGHN phê duyệt:

- Có chứng chỉ ngoại ngữ (Anh, Nga, Pháp, Trung, Đức, Nhật) theo Bảng tham chiếu ở Phụ lục 1 của Quy chế đào tạo tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội (ban hành theo Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 24/11/2017 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội) do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày thi lấy chứng chỉ tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

- Bằng cử nhân hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho chương trình đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài bằng ngôn ngữ Anh, Nga, Pháp, Trung, Đức, Nhật;

- Có bằng đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc sư phạm tiếng nước ngoài phù hợp (Anh, Nga, Pháp, Trung, Đức, Nhật) do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

- Trong trường hợp trên nếu không phải là tiếng Anh, thì người dự tuyển phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh. Hội đồng tuyển sinh thành lập tiểu ban để đánh giá năng lực tiếng Anh giao tiếp trong chuyên môn của các thí sinh thuộc đối tượng này;

i) Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong quá trình đào tạo theo quy định của Khoa Luật;

k) Hồ sơ tuyển sinh: Đáp ứng đầy đủ hồ sơ tuyển sinh theo yêu cầu.

### **3.3. Danh mục ngành/chuyên ngành đúng, chuyên ngành phù hợp và chuyên ngành gần**

#### **3.3.1. Danh mục ngành/chuyên ngành đúng**

- Ngành đúng: Luật;

- Chuyên ngành đúng: Luật hiến pháp và luật hành chính.

#### **3.3.2. Danh mục chuyên ngành phù hợp**

- Luật hình sự và tố tụng hình sự, Luật kinh tế, Luật dân sự và tố tụng dân sự, Luật quốc tế, Lí luận và lịch sử nhà nước và pháp luật.

#### **3.3.3. Danh mục chuyên ngành gần**

Pháp luật về quyền con người, Quản trị nhà nước và phòng, chống tham nhũng, Luật biển và quản lí biển, Luật hợp tác quốc tế và kinh doanh quốc tế.

### **3.4. Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh: 3 – 5 NCS/năm.**

h) Người dự tuyển phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ phù hợp với chuẩn đầu ra về ngoại ngữ của chương trình đào tạo được ĐHQGHN phê duyệt:

- Có chứng chỉ ngoại ngữ (Anh, Nga, Pháp, Trung, Đức, Nhật) theo Bảng tham chiếu ở Phụ lục 1 của Quy chế đào tạo tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội (ban hành theo Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 24/11/2017 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội) do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày thi lấy chứng chỉ tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

- Bằng cử nhân hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho chương trình đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài bằng ngôn ngữ Anh, Nga, Pháp, Trung, Đức, Nhật;

- Có bằng đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc sư phạm tiếng nước ngoài phù hợp (Anh, Nga, Pháp, Trung, Đức, Nhật) do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

- Trong trường hợp trên nếu không phải là tiếng Anh, thì người dự tuyển phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh. Hội đồng tuyển sinh thành lập tiểu ban để đánh giá năng lực tiếng Anh giao tiếp trong chuyên môn của các thí sinh thuộc đối tượng này;

i) Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong quá trình đào tạo theo quy định của Khoa Luật;

k) Hồ sơ tuyển sinh: Đáp ứng đầy đủ hồ sơ tuyển sinh theo yêu cầu.

### **3.3. Danh mục ngành/chuyên ngành phù hợp và ngành/chuyên ngành gần**

#### **3.3.1. Danh mục ngành/chuyên ngành phù hợp**

- Danh mục ngành phù hợp: Luật học, Luật kinh doanh, Luật thương mại quốc tế

- Danh mục chuyên ngành phù hợp: Luật dân sự và tố tụng dân sự, Luật quốc tế, Lí luận và lịch sử nhà nước và pháp luật, Luật hình sự và tố tụng hình sự, Luật kinh tế, Pháp luật về quyền con người, Quản trị nhà nước và phòng, chống tham nhũng, Luật biển và quản lí biển.

#### **3.3.2. Danh mục ngành/chuyên ngành gần**

- Luật hợp tác quốc tế và kinh doanh quốc tế.

### **3.4. Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh: 3 – 5 NCS/năm.**



## **PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **1. Yêu cầu về chất lượng luận án**

- Đóng góp mới cho khoa học pháp lí; góp phần xây dựng, hình thành hoặc hoàn thiện hệ thống lí thuyết và nhận thức, cách tiếp cận chiến lược, giải pháp mới để giải quyết những vấn đề lí luận, thực tiễn đang đặt ra, phù hợp với chuyên ngành Luật hiến pháp và Luật hành chính;

- Đánh giá được tổng quan tài liệu nghiên cứu đã công bố trong và ngoài nước về đề tài nghiên cứu trong lĩnh vực Luật hiến pháp và Luật hành chính; đưa ra những câu hỏi nghiên cứu có ý nghĩa; các giả thuyết khoa học đủ thuyết phục; phương pháp nghiên cứu đủ chắc chắn và phù hợp để công bố những luận điểm khoa học mới đóng góp cho khoa học pháp lí;

- Thể hiện được kiến thức cốt lõi, nền tảng cũng như kiến thức tiên tiến, chuyên sâu ở vị trí hàng đầu về đề tài nghiên cứu thuộc chuyên ngành Luật hiến pháp và Luật hành chính; làm chủ các lí thuyết khoa học và phương pháp nghiên cứu chuyên ngành Luật hiến pháp và Luật hành chính trong việc giải quyết đề tài nghiên cứu; khả năng suy luận, phân tích các vấn đề pháp lí liên quan đến đề tài nghiên cứu trong lĩnh vực Luật hiến pháp và Luật hành chính và đưa ra những giải pháp mang tính sáng tạo, độc đáo;

- Tổng hợp, đưa ra những kết quả nghiên cứu có giá trị đối với lĩnh vực luật học nói chung, Luật hiến pháp và Luật hành chính nói riêng, xét cả về lí thuyết khoa học cũng như trong thực tiễn quản lí;

- Công bố được ít nhất 02 bài báo liên quan đến nội dung của luận án trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong đó có tối thiểu 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI/ Scopus hoặc 02 báo cáo trong kì yếu hội thảo ISBN; hoặc 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài;

- Đáp ứng các yêu cầu về hình thức của một luận án tiến sĩ luật học, các yêu cầu về quy trình phê duyệt đề tài theo Quy chế đào tạo tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội và các yêu cầu về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, quyền tác giả theo quy định của pháp luật.

### **2. Yêu cầu về kiến thức chuyên môn**

- Vận dụng, sáng tạo các tri thức mới về phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lí và phương pháp giảng dạy đại học để giải quyết các vấn đề, tình huống thực tế trong giảng dạy và nghiên cứu Chuyên ngành Luật hiến pháp và Luật hành chính;

- Vận dụng thành thạo hệ thống kiến thức cốt lõi, nền tảng, toàn diện về pháp luật, tổ chức quản lí, thực thi và bảo vệ pháp luật, các nguyên lí, học thuyết chung thuộc ngành đào tạo; ✓

- Tổng hợp, phân tích, đánh giá, phản biện được hệ thống kiến thức tiên tiến, chuyên sâu ở vị trí hàng đầu, các lý thuyết pháp lý hiện đại thuộc lĩnh vực khoa học Chuyên ngành Luật hiến pháp và Luật hành chính; hình thành, phát triển các nguyên lý, học thuyết mới của Chuyên ngành Luật hiến pháp và Luật hành chính;

- Vận dụng kiến thức chung về quản trị, tổ chức cơ sở nghiên cứu và đào tạo thực hành luật trong lĩnh vực Luật hiến pháp và Luật hành chính; có tư duy hệ thống, sáng tạo trong tổ chức công việc chuyên môn và nghiên cứu khoa học để giải quyết các vấn đề pháp lý phức tạp phát sinh;

- Sử dụng thành thạo những kiến thức ngoại ngữ chuyên ngành phục vụ nghiên cứu khoa học pháp lý.

### **3. Yêu cầu về năng lực nghiên cứu**

- Phân tích, đánh giá, dự báo các vấn đề của khoa học pháp lý cơ bản và chuyên ngành; phát hiện các vấn đề khoa học đang bỏ ngỏ; đề xuất các ý tưởng khoa học mới; thu thập và xử lý dữ liệu, lập luận, viết bài báo khoa học;

- Phân tích, đánh giá, phản biện các công trình, các luận cứ khoa học; nghiên cứu, sáng tạo, phát triển tri thức mới; đưa ra những kết luận khoa học mang tính chuyên gia trong lĩnh vực Luật hiến pháp và Luật hành chính;

- Phân tích, tham khảo chọn lọc trên phương diện luật học so sánh lý luận và kinh nghiệm thực tiễn nước ngoài vào điều kiện của Việt Nam;

- Thích ứng nhanh với mọi môi trường làm việc, tự định hướng và dẫn dắt người khác trong hoạt động nghiên cứu khoa học; hướng dẫn nghiên cứu khoa học; tổ chức triển khai các hoạt động chuyên môn, các đề tài nghiên cứu khoa học Chuyên ngành Luật hiến pháp và Luật hành chính, các đề tài khoa học mang tính liên ngành, đa ngành có liên quan.

### **4. Yêu cầu về kỹ năng**

#### **4.1. Kỹ năng nghề nghiệp**

- Vận dụng thành thạo các lý thuyết khoa học trong lĩnh vực Luật hiến pháp, Luật hành chính; sử dụng các phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu nhằm phát hiện và tổng hợp các nhu cầu phát sinh trong thực tiễn đời sống kinh tế - xã hội để giải quyết những vướng mắc, bất cập trong lĩnh vực Luật hiến pháp, Luật hành chính;

- Sử dụng thành thạo các nguồn văn bản pháp luật cũng như ngoài văn bản pháp luật như án lệ, tập quán, thông lệ, học thuyết pháp lý và luật công bằng trong giải quyết các vấn đề chuyên môn;

- Vận dụng thành thạo việc nghiên cứu so sánh với pháp luật nước ngoài nhằm tìm ra giải pháp cải cách hệ thống pháp luật Việt Nam;

- Mô hình hóa, điển hình hóa các quan hệ xã hội để điều chỉnh bằng pháp luật; phát hiện và tổng hợp các yêu cầu thực tiễn về Luật hiến pháp, Luật hành chính; phân

tích, đánh giá thực trạng Luật hiến pháp, Luật hành chính ở Việt Nam để tìm ra những hạn chế, nguyên nhân, từ đó đưa ra kiến nghị, giải pháp hoàn thiện pháp luật; xây dựng mô hình thi hành pháp luật một cách hiệu quả;

- Quản lí, điều hành chuyên môn trong nghiên cứu và phát triển; phổ biến và ứng dụng các kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực Luật hiến pháp, Luật hành chính;

- Thành thạo trong tư vấn pháp luật, chính sách cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

#### **4.2. *Kĩ năng bổ trợ***

- Thành thạo kĩ năng làm việc nhóm, chia sẻ ý tưởng, thông tin, giải quyết công việc với tư duy logic và sáng tạo cao, tham gia có hiệu quả vào hoạt động của các nhóm nghiên cứu mạnh theo chuyên ngành đào tạo;

- Phát triển kĩ năng nghiên cứu độc lập, tư duy phản biện khoa học;

- Phát triển kĩ năng tra cứu, chọn lọc thông tin, nghiên cứu văn bản, tài liệu;

- Viết và trình bày thành thạo các kết quả nghiên cứu, báo cáo khoa học, bài báo quốc tế;

- Thích ứng nhanh với sự thay đổi về môi trường công việc trong nước và quốc tế;

### **5. Yêu cầu về phẩm chất**

#### **5.1. *Trách nhiệm công dân***

- Bảo vệ lợi ích cộng đồng và xã hội; xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh;

- Định hướng, dẫn dắt cộng đồng thực hiện trách nhiệm công dân, thượng tôn pháp luật, bảo vệ công lí.

#### **5.2. *Trách nhiệm, đạo đức, ý thức và tác phong nghề nghiệp, thái độ phục vụ***

- Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết của một chuyên gia pháp luật, có bản lĩnh nghề nghiệp, yêu nghề và đam mê nghiên cứu khoa học;

- Chuyên nghiệp, chủ động, tự tin trong công việc, dám chịu trách nhiệm, mạnh dạn bày tỏ quan điểm và biết lắng nghe;

- Nghiêm túc, khoa học, trách nhiệm với công việc được giao; cầu tiến, hợp tác, thân thiện với đồng nghiệp; tận tâm, tận lực phục vụ nhân dân.

### **6. Mức tự chủ và chịu trách nhiệm**

- Tự định hướng và thích nghi với môi trường làm việc có tính hội nhập quốc tế; không ngừng học tập, nghiên cứu để phát triển tri thức;

- Thể hiện vai trò lãnh đạo và có tầm ảnh hưởng tới định hướng phát triển chiến lược của tập thể; định hướng và dẫn dắt người khác thực hiện việc nghiên cứu, sáng tạo các tri thức, kĩ năng mới trong lĩnh vực chuyên môn;



- Quyết định và xây dựng kế hoạch làm việc, quản lý các hoạt động nghiên cứu, phát triển tri thức, hình thành ý tưởng mới, quy trình mới trong xây dựng và áp dụng pháp luật;

- Đưa ra những đề xuất, sáng kiến có giá trị ứng dụng, những kết luận mang tính chuyên gia với luận cứ chắc chắn về khoa học và thực tiễn trong lĩnh vực chuyên ngành được đào tạo.

### **7. Vị trí làm việc của NCS sau khi tốt nghiệp**

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ Luật chuyên ngành Luật hiến pháp và Luật hành chính, người học có thể sử dụng các kiến thức, kỹ năng, phẩm chất được đào tạo để tham gia và đảm nhiệm ở nhiều cương vị công tác khác nhau như:

- Nhóm thứ nhất, cán bộ giảng dạy, nghiên cứu tại các cơ sở nghiên cứu hoặc đào tạo về pháp luật, hành chính - chính trị, như các trường đại học, cao đẳng, trung học, các trung tâm, viện nghiên cứu về các lĩnh vực liên quan.

- Nhóm thứ hai, chuyên gia pháp luật làm việc tại các cơ quan nhà nước, các cơ quan Đảng và tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương và địa phương.

- Nhóm thứ ba, chuyên gia pháp luật làm việc cho các tổ chức cung cấp dịch vụ pháp lý như luật sư, tư vấn viên trong các công ty, văn phòng luật, văn phòng công chứng trong và ngoài nước; chuyên viên pháp chế, tư vấn viên trong các công ty, doanh nghiệp có yêu cầu sử dụng nhân lực có chuyên môn cao trong lĩnh vực pháp luật;

- Nhóm thứ tư, chuyên gia pháp luật làm việc cho các tổ chức phi chính phủ, liên chính phủ quốc tế hoặc khu vực.

### **8. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

NCS có khả năng tự học tập, nâng cao trình độ; tham gia các chương trình đào tạo sau tiến sĩ về Luật hiến pháp và Luật hành chính; tham gia các chương trình trao đổi học giả với các cơ sở đào tạo luật ở nước ngoài.

## **PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo**

#### **1.1. Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ**

Người học phải hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ và các nội dung của chương trình đào tạo tiến sĩ.

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **133 tín chỉ**, trong đó:

- Phần 1: Các học phần bổ sung kiến thức: **40 tín chỉ**

+ Khối kiến thức chung: **4 tín chỉ**

+ Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành: **36 tín chỉ** ✓

- Bắt buộc: 16 tín chỉ
- Tự chọn: 20/44 tín chỉ
- Phần 2: Các học phần, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan: **18 tín chỉ**
  - + Các học phần tiến sĩ: 10 tín chỉ
    - Bắt buộc: 8 tín chỉ
    - Tự chọn: 2/12 tín chỉ
  - + Các chuyên đề tiến sĩ: 6 tín chỉ
  - + Tiểu luận tổng quan: 2 tín chỉ
- Phần 3: Nghiên cứu khoa học (là yêu cầu bắt buộc với NCS nhưng không tính số tín chỉ trong chương trình đào tạo).
- Phần 4: Tham gia sinh hoạt chuyên môn, công tác trợ giảng và hỗ trợ đào tạo (là yêu cầu bắt buộc với NCS nhưng không tính số tín chỉ trong chương trình đào tạo).

- Phần 5: Luận án tiến sĩ: **75 tín chỉ**

### **1.2. Đối với NCS có bằng thạc sĩ chuyên ngành gần**

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **104 tín chỉ**, trong đó:

- Phần 1: Các học phần bổ sung kiến thức: **11 tín chỉ**
  - + Bắt buộc: 8 tín chỉ
  - + Tự chọn: 3/42 tín chỉ
- Phần 2: Các học phần, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan: **18 tín chỉ**
  - + Các học phần tiến sĩ: 10 tín chỉ
    - Bắt buộc: 8 tín chỉ
    - Tự chọn: 2/12 tín chỉ
  - + Các chuyên đề tiến sĩ: 6 tín chỉ
  - + Tiểu luận tổng quan: 2 tín chỉ
- Phần 3: Nghiên cứu khoa học (là yêu cầu bắt buộc với NCS nhưng không tính số tín chỉ trong chương trình đào tạo).
- Phần 4: Tham gia sinh hoạt chuyên môn, công tác trợ giảng và hỗ trợ đào tạo (là yêu cầu bắt buộc với NCS nhưng không tính số tín chỉ trong chương trình đào tạo).

- Phần 5: Luận án tiến sĩ: **75 tín chỉ**

### **1.3. Đối với NCS có bằng thạc sĩ chuyên ngành đúng hoặc phù hợp**

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **93 tín chỉ**, trong đó:

- Phần 1: Các học phần, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan: **18 tín chỉ**
  - + Các học phần tiến sĩ: 10 tín chỉ
    - Bắt buộc: 8 tín chỉ

- Tự chọn: 2/12 tín chỉ
- + Các chuyên đề tiến sĩ: 6 tín chỉ
- + Tiểu luận tổng quan: 2 tín chỉ
- Phần 2: Nghiên cứu khoa học (là yêu cầu bắt buộc với NCS nhưng không tính số tín chỉ trong chương trình đào tạo).
- Phần 3: Tham gia sinh hoạt chuyên môn, công tác trợ giảng và hỗ trợ đào tạo (là yêu cầu bắt buộc với NCS nhưng không tính số tín chỉ trong chương trình đào tạo).
- Phần 4: Luận án tiến sĩ: 75 tín chỉ

## 2. Khung chương trình đào tạo

### 2.1. Khung chương trình dành cho NCS chưa có bằng thạc sĩ

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
<b>PHẦN 1. CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG</b>							
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>		<b>4</b>				
1	PHI5001	Triết học <i>Philosophy</i>	4	60	0	0	
<b>II</b>	<b>Khối kiến cơ sở và chuyên ngành</b>		<b>36</b>				
<b>II.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b> <i>Compulsory Subjects</i>		<b>16</b>				
2	SOL6001	Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lí <i>Legal Research Methods</i>	2	18	6	6	
3	CAL6501	Lí thuyết về Hiến pháp và tổ chức quyền lực nhà nước <i>Theories of Constitution and State Power</i>	2	18	6	6	
4	CAL6502	Lí thuyết về quản lí nhà nước <i>Theories of State Management</i>	2	18	6	6	
5	CAL6503	Tổ chức và thực hiện quyền lập pháp <i>Organisation and Operation of Legislative Power</i>	2	18	6	6	
6	CAL6504	Tổ chức và thực hiện quyền hành pháp <i>Organisation and Operation of Executive Power</i>	2	18	6	6	
7	CAL6505	Tổ chức và thực hiện quyền tư pháp <i>Organisation and Operation of Judicial Power</i>	2	18	6	6	

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
8	CAL6506	Quyền con người, quyền công dân <i>Human Rights, Citizen's Rights</i>	2	18	6	6	
9	CAL6507	Chế độ bảo hiến <i>Mechanism of Judicial Review</i>	2	18	6	6	
<b>II.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b> <i>Optional Subjects</i>		<b>20/44</b>				
10	CAL6508	Tài phán hành chính <i>Judicial Review of Administrative Actions</i>	2	18	6	6	
11	CAL6509	Chính trị học so sánh <i>Comparative Political Science</i>	3	27	9	9	
12	CAL6510	Luật hành chính so sánh <i>Comparative Administrative Law</i>	3	27	9	9	
13	CAL6511	Luật hiến pháp so sánh <i>Comparative Constitutional Law</i>	3	27	9	9	
14	CAL6512	Hành chính công <i>Public Administration</i>	3	27	9	9	
15	CAL6513	Các thiết chế hiến định hiện đại <i>Modern Constitutional Institutions</i>	3	27	9	9	
16	CAL6514	Chính quyền địa phương <i>Local Government</i>	3	27	9	9	
17	CAL6515	Dân chủ và bầu cử <i>Democracy and Election</i>	3	27	9	9	
18	CAL6516	Chế độ công vụ và dịch vụ công <i>Public Power and Public Service</i>	3	27	9	9	
19	CAL6517	Quản trị tốt và phòng, chống tham nhũng <i>Good Governance and Anti-Corruption</i>	3	27	9	9	
20	CAL6518	Phân tích chính sách và xây dựng luật <i>Policy Analysis and Law Making</i>	3	27	9	9	
21	CAL6519	Hợp đồng hành chính và hợp tác công tư <i>Administrative Contract and Public-Private Partnership</i>	3	27	9	9	

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
22	CAL6520	Trách nhiệm hành chính và cưỡng chế hành chính <i>Administrative Liability and Administrative Coercion</i>	3	27	9	9	
23	CAL6521	Phân quyền <i>Separation of Powers</i>	3	27	9	9	
24	CAL6522	Vận động chính sách công <i>Public Policy Lobbying</i>	3	27	9	9	
<b>PHẦN 2. CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ TIÊN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN</b>							
<b>I</b>	<b>Các học phần tiên sĩ</b>		<b>10</b>				
<b>I.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b> <i>Compulsory Subjects</i>		<b>8</b>				
25	SOL8000	Phương pháp nghiên cứu khoa học và giảng dạy pháp luật <i>Legal research and teaching methods</i>	2	18	6	6	
26	CAL8013	Những vấn đề lí luận hiện đại của ngành luật hiến pháp <i>Contemporary Theories of Constitutional Law</i>	3	27	9	9	
27	CAL8014	Những vấn đề lí luận hiện đại của ngành luật hành chính <i>Contemporary Theories of Administrative Law</i>	3	27	9	9	
<b>I.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b> <i>Optional Subjects</i>		<b>2/12</b>				
28	CAL8003	Lí luận và thực tiễn về xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay <i>Theoretical and Practical Issues on Building the Rule-of-law State in Vietnam</i>	2	18	6	6	
29	CAL8004	Lí luận và thực tiễn về xây dựng, thực thi Hiến pháp ở Việt Nam hiện nay <i>Theoretical and Practical Issues on Making and Implementing the Constitution in Vietnam</i>	2	18	6	6	
30	CAL8005	Lí luận và thực tiễn về cải cách hành chính ở Việt Nam hiện nay <i>Theoretical and Practical Issues on Administrative Reform in Vietnam</i>	2	18	6	6	



STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
31	CAL8006	Lí luận và thực tiễn về phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước ở Việt Nam hiện nay <i>Theoretical and Practical Issues on Allocation, Coordination and Control of State Powers in Vietnam</i>	2	18	6	6	
32	CAL8007	Lí luận và thực tiễn về mối quan hệ giữa nhà nước và công dân ở Việt Nam hiện nay <i>Theoretical and Practical Issues on the Relationship between State and Citizens in Vietnam</i>	2	18	6	6	
33	CAL8008	Hội nhập quốc tế và cải cách thể chế ở Việt Nam <i>International Integration and Institutional Reform in Vietnam</i>	2	18	6	6	
<b>II</b>	<b>Chuyên đề tiến sĩ</b>		<b>6</b>				
34	CAL8009	Chuyên đề 1 <i>The thesis 1</i>	2	0	0	30	
35	CAL8010	Chuyên đề 2 <i>The thesis 2</i>	2	0	0	30	
36	CAL8011	Chuyên đề 3 <i>The thesis 3</i>	2	0	0	30	
<b>III</b>	<b>Tiểu luận tổng quan</b>		<b>2</b>				
37	CAL8012	Tiểu luận tổng quan	2	0	0	30	
<b>PHẦN 3. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC</b>							
38		NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn.					
<b>PHẦN 4. THAM GIA SINH HOẠT CHUYÊN MÔN, CÔNG TÁC TRỢ GIẢNG VÀ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO</b>							
39		Đơn vị chuyên môn lên lịch sinh hoạt chuyên môn và lịch cho từng NCS báo cáo, trình bày kết quả hoạt động chuyên môn của mình tại seminar do đơn vị chuyên môn tổ chức trong từng năm học. NCS phải tham gia đầy đủ các seminar khoa học hoặc các hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên môn tổ chức, quy định.					
<b>PHẦN 5. LUẬN ÁN TIẾN SĨ</b>							
40	CAL9001	Luận án tiến sĩ	75				
<b>Tổng cộng</b>			<b>133</b>				

2.2. Khung chương trình dành cho NCS có bằng thạc sĩ chuyên ngành gần

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
<b>PHẦN 1. CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG</b>							
<b>I.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b> <i>Compulsory Subjects</i>		<b>8</b>				
1	CAL6501	Lý thuyết về Hiến pháp và tổ chức quyền lực nhà nước <i>Theories of Constitution and State Power</i>	2	18	6	6	
2	CAL6502	Lý thuyết về quản lý nhà nước <i>Theories of State Management</i>	2	18	6	6	
3	CAL6506	Quyền con người, quyền công dân <i>Human Rights, Citizen's Rights</i>	2	18	6	6	
4	CAL6507	Chế độ bảo hiến <i>Mechanism of Judicial Review</i>	2	18	6	6	
<b>II.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b> <i>Optional Subjects</i>		<b>3/42</b>				
5	CAL6509	Chính trị học so sánh <i>Comparative Political Science</i>	3	27	9	9	
6	CAL6510	Luật hành chính so sánh <i>Comparative Administrative Law</i>	3	27	9	9	
7	CAL6511	Luật hiến pháp so sánh <i>Comparative Constitutional Law</i>	3	27	9	9	
8	CAL6512	Hành chính công <i>Public Administration</i>	3	27	9	9	
9	CAL6513	Các thiết chế hiến định hiện đại <i>Modern Constitutional Institutions</i>	3	27	9	9	
10	CAL6514	Chính quyền địa phương <i>Local Government</i>	3	27	9	9	
11	CAL6515	Dân chủ và bầu cử <i>Democracy and Election</i>	3	27	9	9	
12	CAL6516	Chế độ công vụ và dịch vụ công <i>Public Power and Public Service</i>	3	27	9	9	

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
13	CAL6517	Quản trị tốt và phòng, chống tham nhũng <i>Good Governance and Anti-Corruption</i>	3	27	9	9	
14	CAL6518	Phân tích chính sách và xây dựng luật <i>Policy Analysis and Law Making</i>	3	27	9	9	
15	CAL6519	Hợp đồng hành chính và hợp tác công tư <i>Administrative Contract and Public-Private Partnership</i>	3	27	9	9	
16	CAL6520	Trách nhiệm hành chính và cưỡng chế hành chính <i>Administrative Liability and Administrative Coercion</i>	3	27	9	9	
17	CAL6521	Phân quyền <i>Separation of Powers</i>	3	27	9	9	
18	CAL6522	Vận động chính sách công <i>Public Policy Lobbying</i>	3	27	9	9	

**PHẦN 2. CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ TIÊN SĨ VÀ TIÊU LUẬN TỔNG QUAN**

<b>I</b>	<b>Các học phần tiên sĩ</b>	<b>10</b>					
<b>I.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b> <i>Compulsory Subjects</i>	<b>8</b>					
19	SOL8000	Phương pháp nghiên cứu khoa học và giảng dạy pháp luật <i>Legal research and teaching methods</i>	2	18	6	6	
20	CAL8013	Những vấn đề lí luận hiện đại của ngành luật hiến pháp <i>Contemporary Theories of Constitutional Law</i>	3	27	9	9	
21	CAL8014	Những vấn đề lí luận hiện đại của ngành luật hành chính <i>Contemporary Theories of Administrative Law</i>	3	27	9	9	
<b>I.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b> <i>Optional Subjects</i>	<b>2/12</b>					
22	CAL8003	Lí luận và thực tiễn về xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay <i>Theoretical and Practical Issues on Building the Rule-of-law State in Vietnam</i>	2	18	6	6	

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
23	CAL8004	Lí luận và thực tiễn về xây dựng, thực thi Hiến pháp ở Việt Nam hiện nay <i>Theoretical and Practical Issues on Making and Implementing the Constitution in Vietnam</i>	2	18	6	6	
24	CAL8005	Lí luận và thực tiễn về cải cách hành chính ở Việt Nam hiện nay <i>Theoretical and Practical Issues on Administrative Reform in Vietnam</i>	2	18	6	6	
25	CAL8006	Lí luận và thực tiễn về phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước ở Việt Nam hiện nay <i>Theoretical and Practical Issues on Allocation, Coordination and Control of State Powers in Vietnam</i>	2	18	6	6	
26	CAL8007	Lí luận và thực tiễn về mối quan hệ giữa nhà nước và công dân ở Việt Nam hiện nay <i>Theoretical and Practical Issues on the Relationship between State and Citizens in Vietnam</i>	2	18	6	6	
27	CAL8008	Hội nhập quốc tế và cải cách thể chế ở Việt Nam <i>International Integration and Institutional Reform in Vietnam</i>	2	18	6	6	
<b>II</b>	<b>Chuyên đề tiến sĩ</b>		<b>6</b>				
28	CAL8009	Chuyên đề 1 <i>The thesis 1</i>	2	0	0	30	
29	CAL8010	Chuyên đề 2 <i>The thesis 2</i>	2	0	0	30	
30	CAL8011	Chuyên đề 3 <i>The thesis 3</i>	2	0	0	30	
<b>III</b>	<b>Tiểu luận tổng quan</b>		<b>2</b>				
31	CAL8012	Tiểu luận tổng quan	2	0	0	30	

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
<b>PHẦN 3. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC</b>							
32		NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn.					
<b>PHẦN 4. THAM GIA SINH HOẠT CHUYÊN MÔN, CÔNG TÁC TRỢ GIẢNG VÀ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO</b>							
33		Đơn vị chuyên môn lên lịch sinh hoạt chuyên môn và lịch cho từng NCS báo cáo, trình bày kết quả hoạt động chuyên môn của mình tại seminar do đơn vị chuyên môn tổ chức trong từng năm học. NCS phải tham gia đầy đủ các seminar khoa học hoặc các hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên môn tổ chức, quy định.					
<b>PHẦN 5. LUẬN ÁN TIẾN SĨ</b>							
34	CAL9001	Luận án tiến sĩ	75				
<b>Tổng cộng</b>			<b>104</b>				

**2.3. Khung chương trình dành cho NCS có bằng thạc sĩ ngành đúng hoặc phù hợp**

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
<b>PHẦN 1. CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN</b>							
<b>I</b>	<b>Các học phần tiến sĩ</b>		<b>10</b>				
<b>I.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b> <i>Compulsory Subjects</i>		<b>8</b>				
1	SOL8000	Phương pháp nghiên cứu khoa học và giảng dạy pháp luật <i>Legal research and teaching methods</i>	2	18	6	6	
2	CAL8013	Những vấn đề lí luận hiện đại của ngành luật hiến pháp <i>Contemporary Theories of Constitutional Law</i>	3	27	9	9	
3	CAL8014	Những vấn đề lí luận hiện đại của ngành luật hành chính <i>Contemporary Theories of Administrative Law</i>	3	27	9	9	
<b>I.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b> <i>Optional Subjects</i>		<b>2/12</b>				



STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
4	CAL8003	Lí luận và thực tiễn về xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay <i>Theoretical and Practical Issues on Building the Rule-of-law State in Vietnam</i>	2	18	6	6	
5	CAL8004	Lí luận và thực tiễn về xây dựng, thực thi Hiến pháp ở Việt Nam hiện nay <i>Theoretical and Practical Issues on Making and Implementing the Constitution in Vietnam</i>	2	18	6	6	
6	CAL8005	Lí luận và thực tiễn về cải cách hành chính ở Việt Nam hiện nay <i>Theoretical and Practical Issues on Administrative Reform in Vietnam</i>	2	18	6	6	
7	CAL8006	Lí luận và thực tiễn về phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước ở Việt Nam hiện nay <i>Theoretical and Practical Issues on Allocation, Coordination and Control of State Powers in Vietnam</i>	2	18	6	6	
8	CAL8007	Lí luận và thực tiễn về mối quan hệ giữa nhà nước và công dân ở Việt Nam hiện nay <i>Theoretical and Practical Issues on the Relationship between State and Citizens in Vietnam</i>	2	18	6	6	
9	CAL8008	Hội nhập quốc tế và cải cách thể chế ở Việt Nam <i>International Integration and Institutional Reform in Vietnam</i>	2	18	6	6	
<b>II</b>	<b>Chuyên đề tiến sĩ</b>		<b>6</b>				
10	CAL8009	Chuyên đề 1 <i>The thesis 1</i>	2	0	0	30	
11	CAL8010	Chuyên đề 2 <i>The thesis 2</i>	2	0	0	30	
12	CAL8011	Chuyên đề 3 <i>The thesis 3</i>	2	0	0	30	

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
III	<b>Tiểu luận tổng quan</b>		<b>2</b>				
13	CAL8012	Tiểu luận tổng quan	2	0	0	30	
<b>PHẦN 2. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC</b>							
14		NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn.					
<b>PHẦN 3. THAM GIA SINH HOẠT CHUYÊN MÔN, CÔNG TÁC TRỢ GIẢNG VÀ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO</b>							
15		Đơn vị chuyên môn lên lịch sinh hoạt chuyên môn và lịch cho từng NCS báo cáo, trình bày kết quả hoạt động chuyên môn của mình tại seminar do đơn vị chuyên môn tổ chức trong từng năm học. NCS phải tham gia đầy đủ các seminar khoa học hoặc các hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên môn tổ chức, quy định.					
<b>PHẦN 4. LUẬN ÁN TIẾN SĨ</b>							
16	CAL9001	Luận án tiến sĩ	75				
<b>Tổng cộng</b>			<b>93</b>				